TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 3 - CT	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập –Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 107/2025/HNST.
Ngày: 20/04/2026
V/v: "*Tranh chấp ly hôn*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KV 3 - CT

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Kim X**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Lê Thị Tuyết M**.

Ông **Nguyễn Văn S**.

Thư ký phiên tòa: Bà **Trương Hoàng Minh P** – Thư ký Tòa án nhân dân KV 3 - CT.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân KV 3 - CT tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Minh K** – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 04 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân KV 3 - CT xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2025/TLST- HNGĐ, ngày 15 tháng 01 năm 2026 về "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 243/2026/QĐXX-ST, ngày 27 tháng 02 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 215/2026/QĐST-HNGĐ ngày ngày 23 tháng 03 năm 2026, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Anh P**, sinh năm: 1996.

Địa chỉ: Số 1, tổ 44, khu vực 7, phường Hưng P, thành phố CT. (Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Ông **Hồ Thanh T**, sinh năm: 1990.

Địa chỉ: Số 50A5, khu vực Thạnh T, phường Hưng P, thành phố CT. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

* ***Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Anh P trình bày và yêu cầu***:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà và ông Hồ Thanh T quen biết nhau là do tình cờ gặp gỡ và sau thời gian tìm hiểu được khoảng 02 tháng thì tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 06/09/2022. Sau thời gian chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, không hợp tính tình nên thường xuyên cự cãi dẫn đến tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt và đến nay thì đã không còn. Do mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đơn sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên bà kiên quyết ly hôn với ông Hồ Thanh T.

- *Về con chung:* Có 03 con chung là cháu Hồ Thị Anh T (nữ), sinh ngày 01/08/2012, cháu Nguyễn Hồ Anh T (nữ), sinh ngày 01/7/2016 và cháu Hồ Nguyễn Phương T (nữ), sinh ngày 18/10/2019. Nguyên đơn xin được nuôi 03 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn ông Hồ Thanh T mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn không đến Tòa án để trình bày và cũng không có bất kỳ văn bản ý kiến nào gửi cho Tòa án xem xét.

Do hòa giải không được nên vụ án được đưa ra xét xử công khai theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

* Nguyên đơn vẫn giữ nguyên cầu khởi kiện và đã có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

* Bị đơn ông Hồ Thanh Tân vắng mặt không lý do nên căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

* Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa: Việc thụ lý vụ án của tòa án là đúng thẩm quyền, về tư cách tham gia tố tụng, việc hòa giải, việc xét xử vắng mặt các đương sự và tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình theo đúng trình tự luật định. Về nội dung vụ án thì nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra lại tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục tố tụng*: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174 và Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, đồng thời nguyên đơn cũng có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt nên căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[2] *Xét về quan hệ pháp luật*: Nguyên đơn và bị đơn chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Nay nguyên đơn có yêu cầu ly hôn với bị đơn thì đây là loại tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân KV 3 – CT theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] *Xét về quan hệ hôn nhân*:

Giữa nguyên đơn và bị đơn tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 92, ngày 06/09/2022 nên được xem là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn dẫn đến tình cảm vợ chồng đã không còn. Đồng thời, Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn không đến và cũng không có gửi bất kỳ văn bản nào thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để được xem xét. Điều đó cho thấy bị đơn không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để được đoàn tụ lại.

Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài vì mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] *Về con chung*: Có 03 con chung là cháu Hồ Thị Anh T (nữ), sinh ngày 01/08/2012, cháu Nguyễn Hồ Anh T (nữ), sinh ngày 01/7/2016 và cháu Hồ Nguyễn Phương T (nữ), sinh ngày 18/10/2019. Nguyên đơn xin được nuôi 03 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng. Xét thấy, nguyên đơn có đủ điều kiện để nuôi con, hiện tại các cháu cũng đang chung sống với nguyên đơn, đồng thời các cháu cũng có nguyện vọng muốn được chung sống với nguyên đơn. Vì vậy, để không thay đổi môi trường sống và sinh hoạt thường ngày của các cháu nên việc giao con chung cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu của nguyên đơn là có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn theo quy định của pháp luật, không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích mọi mặt của con, các bên có quyền xin thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Do nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét và giải quyết.

[5] *Về tài sản chung và nợ chung:* Nguyên đơn khai không có và không yêu cầu giải quyết. Bị đơn không có ý kiến hay yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ được giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000656 ngày 12/01/2026 thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Không ai phải nộp thêm.

[7] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

<u>Căn cứ vào</u>:

- Các điều 28; 35; 39; 147; 227, 228; 266; 271; 272 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 51, 53, 56, 58, 59, 81 và Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn*.

2. *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Thị Anh P được ly hôn với ông Hồ Thanh T.

3. Về con chung: Có 03 con chung là cháu Hồ Thị Anh T (nữ), sinh ngày 01/08/2012, cháu Nguyễn Hồ Anh T (nữ), sinh ngày 01/7/2016 và cháu Hồ Nguyễn Phương T (nữ), sinh ngày 18/10/2019. Giao 03 con chung cho nguyên đơn được tiếp tục nuôi dưỡng, không đặt vấn đề cấp dưỡng. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho bị đơn theo quy định của pháp luật, không ai được quyền, cản trở.

4. *Về tài sản chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ kiện án khi đương sự có yêu cầu.

5. *Về nợ chung*: Nguyên đơn khai không có. Nếu sau này phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết thành vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

6. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm:* Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), chuyển tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0000656 ngày 12/01/2026 thành án phí hôn nhân sơ thẩm. Không ai phải nộp thêm.

7. *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc đã thực hiện thủ tục niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND. TP. CT.
- VKSND cùng cấp.
- Thi hành án cùng cấp.
- Người TGTT.
- Lưu HS – BA

Huỳnh Thị Kim Xuân